VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38/2025/TT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2025*

THÔNG TƯ

Quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản, Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định

chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản (sau đây gọi tắt là Nghị định số 193/2025/NĐ-CP), bao gồm:

1. Quy định chi tiết khoản 5 Điều 96 của Luật Địa chất và khoáng sản.

2. Quy định chi tiết khoản 5 Điều 135; khoản 4 Điều 136; khoản 4 Điều 140; khoản 5 Điều 141; khoản 3 Điều 146; khoản 3 Điều 149 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

3. Việc quy định chi tiết thi hành các điều, khoản, điểm quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm các nội dung về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chi phí phải hoàn trả là chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản mà tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư hoặc chi phí thăm dò do tổ chức, cá nhân khác đầu tư.

2. Báo cáo thăm dò khoáng sản cuối cùng là:

a) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo cuối cùng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận, phê chuẩn, thông qua, công nhận (dưới đây gọi tắt là công nhận) trữ lượng trong trường hợp Nhà nước đầu tư đến cấp trữ lượng;

b) Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản do tổ chức, cá nhân đầu tư làm căn cứ để cấp giấy phép khai thác khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền công nhận trữ lượng trong trường hợp Nhà nước không đầu tư đến cấp trữ lượng.

3. Báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả là:

a) Báo cáo đánh giá tiềm năng khoáng sản, báo cáo thăm dò khoáng sản có xác định được tài nguyên, trữ lượng từ cấp C_2 hoặc 333 đến các cấp tài nguyên, trữ lượng có độ tin cậy cao hơn trong trường hợp Nhà nước đầu tư đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản;

b) Báo cáo thăm dò khoáng sản cuối cùng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trong trường hợp tổ chức, cá nhân đầu tư thăm dò khoáng sản.

4. Diện tích xác định chi phí phải hoàn trả là diện tích thăm dò của báo cáo thăm dò cuối cùng đối với khoáng sản rắn; trong phạm vi bán kính 300m tính từ vị trí được cấp phép khai thác đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên.

5. Hạng mục phải hoàn trả là hạng mục công việc, công trình của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả có thể hiện trong báo cáo ít nhất một trong các thông tin sau:

a) Khối lượng thực hiện;

b) Giá trị thực hiện.

Chương II
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN, THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 4. Công thức xác định chi phí phải hoàn trả

Chi phí phải hoàn trả được xác định theo công thức sau đây:

$$T_{ht} = \sum_{i=1}^{n} P_i \times H_i$$

Trong đó:

T_{ht} - Tổng chi phí phải hoàn trả; đơn vị tính là đồng;

P_i - Chi phí thuộc diện tích phải hoàn trả của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i và được xác định theo quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

H_i - Tỷ lệ xác định chi phí phải hoàn trả của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i được xác định theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Thông tư này;

n - Số báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả.

Điều 5. Xác định P_i

1. P_i được xác định theo công thức sau đây:

$$P_i = P_{i1} + P_{i2} + P_{i3}$$

P_{i1} - Toàn bộ chi phí của các hạng mục phải hoàn trả thuộc báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i nằm trong diện tích xác định chi phí phải hoàn trả và được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này;

P_{i2} - Toàn bộ chi phí của các hạng mục phải hoàn trả thuộc báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i mà không xác định được nằm trong hay nằm ngoài diện tích xác định chi phí phải hoàn trả, kể cả chi phí chung và được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này;

P_{i3} - Toàn bộ chi phí các hạng mục phải hoàn trả thuộc báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i có thể hiện giá trị thực hiện tại thời điểm lập báo cáo nhưng không xác định được khối lượng và được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều này.

2. P_{i1} được xác định theo công thức sau đây:

$$P_{i1} = \sum_{j=1}^{m} K_{ij} \times Z_{ij}$$

K_{ij} - Khối lượng hạng mục phải hoàn trả thứ j đã đầu tư thuộc báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i thuộc diện tích xác định chi phí phải hoàn trả, trừ khối lượng hạng mục đã được đưa vào xác định trong các báo cáo trước đó;

Z_{ij} - Đơn giá của hạng mục phải hoàn trả K_{ij} và được xác định theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

3. P_{i2} được xác định theo công thức sau đây:

$$P_{i2} = \left(\sum_{j=1}^{m} K_{ij} \text{ x } Z_{ij} \right) \times \frac{S_{td(i)}}{S_{bc(i)}}$$

Trong đó:

K_{ij} - Khối lượng các hạng mục phải hoàn trả thứ j đã đầu tư của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i, không xác định được vị trí thi công nằm trong hay nằm ngoài diện tích xác định chi phí phải hoàn trả;

Z_{ij} - Đơn giá của hạng mục phải hoàn trả K_{ij} và được xác định theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này;

$S_{td(i)}$ - Diện tích xác định chi phí phải hoàn trả nằm trong báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i;

$S_{bc(i)}$ - Diện tích của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i;

4. P_{i3} được xác định theo công thức sau:

$$P_{i3} = (P_{i1} + P_{i2}) \text{ x } Hk$$

Trong đó: Hk là hệ số chi phí khác, được xác định như sau:

$$Hk = \frac{C_{ki}}{C_i - C_{ki}}$$

Trong đó:

C_{ki} - Tổng chi phí của các hạng mục phải hoàn trả có thể hiện giá trị thực hiện nhưng không xác định khối lượng, được tính tại thời điểm công nhận báo cáo làm cơ sở xác định chi phí hoàn trả thứ i;

C_i - Tổng chi phí của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí hoàn trả thứ i, được tính tại thời điểm công nhận báo cáo.

Điều 6. Tỷ lệ xác định chi phí phải hoàn trả đối với khoáng sản rắn

1. Công thức tính tỷ lệ xác định chi phí phải hoàn trả (H_i) đối với khoáng sản rắn như sau:

$$H_i = \frac{Q_{cpi}}{Q_{đgtdi}}$$

Trong đó:

Q_{cpi} - Phần trữ lượng được phép khai thác thuộc khối trữ lượng, tài nguyên của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i và xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

$Q_{đgtdi}$ - Tổng trữ lượng, tài nguyên của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i và nằm trong diện tích xác định chi phí phải hoàn trả, được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Công thức xác định Q_{cp}, Q_{td} cho báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i như sau:

a) Đối với báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả được công nhận theo phân cấp trữ lượng, tài nguyên theo chữ cái:

$$Q_{cp} = Q_A + Q_B + Q_{C1} + \frac{Q_{C2}}{2}$$

Trong đó: Q_A, Q_B, Q_{C1}, Q_{C2} là phần trữ lượng được phép khai thác và thuộc khối trữ lượng tương ứng với cấp A, B, C_1, C_2 của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả.

$$Q_{đgtd} = Q_A + Q_B + Q_{C1} + Q_{C2}$$

Trong đó: Q_A, Q_B, Q_{C1}, Q_{C2} là toàn bộ trữ lượng tương ứng với cấp A, B, C_1, C_2 của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả và nằm trong diện tích xác định chi phí phải hoàn trả.

b) Đối với báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả được công nhận theo phân cấp trữ lượng, tài nguyên theo chữ số:

$$Q_{cp} = Q_{111} + Q_{121} + Q_{122} + Q_{211} + Q_{221} + Q_{222} + Q_{331} + Q_{332} + Q_{333}$$

Trong đó: Q_{111}, Q_{121}, Q_{122}, Q_{211}, Q_{221}, Q_{222}, Q_{331}, Q_{332}, Q_{333} là phần trữ lượng, tài nguyên (nếu có) được phép khai thác và thuộc khối trữ lượng, tài nguyên tương ứng với cấp 111, 121, 122, 211, 221, 222, 331, 332, 333 của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả.

$$Q_{đgtd} = Q_{111} + Q_{121} + Q_{122} + Q_{211} + Q_{221} + Q_{222} + Q_{331} + Q_{332} + Q_{333}$$

Trong đó: Q_{111}, Q_{121}, Q_{122}, Q_{211}, Q_{221}, Q_{222}, Q_{331}, Q_{332}, Q_{333} là toàn bộ trữ lượng, tài nguyên tương ứng với cấp 111, 121, 122, 211, 221, 222, 331, 332, 333 của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả và nằm trong diện tích xác định chi phí phải hoàn trả.

3. Trường hợp báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả không thể hiện ranh giới phần trữ lượng, tài nguyên trong diện tích xác định chi phí phải hoàn trả thì Q_{cp}, $Q_{đgtd}$ được lấy theo báo cáo thăm dò cuối cùng.

Điều 7. Tỷ lệ xác định chi phí phải hoàn trả đối với nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên

1. Công thức tính tỷ lệ xác định chi phí phải hoàn trả (H_i) đối với khoáng sản nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên như sau:

$$H_i = \frac{Q_{cpi}}{Q_{đgtdi}}$$

Trong đó:

Q_{cpi} - Trữ lượng được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác;

$Q_{đgtdi}$ - Tổng trữ lượng của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i và nằm trong diện tích xác định chi phí phải hoàn trả, được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Trường hợp Q_{cp} lớn hơn $Q_{đgtd}$ thì Q_{cp} lấy bằng $Q_{đgtd}$.

2. Công thức xác định $Q_{đgtd}$ cho báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả thứ i như sau:

$$Q_{đgtd} = Q_A + Q_B$$

Trong đó: Q_A, Q_B là toàn bộ trữ lượng tương ứng với cấp A, B của báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả và nằm trong diện tích xác định chi phí phải hoàn trả.

Trường hợp báo cáo làm cơ sở xác định chi phí phải hoàn trả không xác định trữ lượng cấp A và cấp B thì $Q_{đgtd}$ được lấy theo báo cáo thăm dò cuối cùng.

Điều 8. Đơn giá xác định chi phí phải hoàn trả

1. Đơn giá hạng mục phải hoàn trả là đơn giá hạng mục tương ứng tại các bộ đơn giá áp dụng cho các nhiệm vụ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Bộ Nông

nghiệp và Môi trường ban hành đang có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả và có tính thêm chi phí khấu hao tài sản cố định.

2. Các hạng mục phải hoàn trả không có đơn giá theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo một trong các phương án sau đây:

a) Đơn giá do Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ ban hành có hiệu lực tại thời điểm phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả;

b) Giá thị trường lấy tại thời điểm xác định chi phí phải hoàn trả.

Chương III
MẪU VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ XÁC ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN, THĂM DÒ KHOÁNG SẢN; HỒ SƠ XÁC ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, QUYẾT TOÁN TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN; ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 9. Mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản

1. Phiếu đánh giá kết quả xác định chi phí phải hoàn trả theo quy định tại mẫu số 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí phải hoàn trả theo quy định tại mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho Nhà nước đối với các giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại mẫu số 03 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại mẫu số 04 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho Nhà nước đối với các giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại mẫu số 05 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại mẫu số 06 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại mẫu số 01 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại mẫu số 02 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quyết định phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản theo quy định tại mẫu số 03 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại mẫu số 04 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại mẫu số 05 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại mẫu số 06 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại mẫu số 01 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại mẫu số 02 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại mẫu số 03 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại mẫu số 04 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Quyết định hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại mẫu số 05 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Quyết định hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại mẫu số 07 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại mẫu số 08 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

1. Kết quả xác định chi phí phải hoàn trả do Nhà nước đầu tư được phê duyệt trước ngày Nghị định số 10/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản có hiệu lực được xác định, phê duyệt lại theo quy định tại Thông tư này trong trường hợp tổ chức, cá nhân có tên trong quyết định phê duyệt chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp chi phí phải hoàn trả theo quyết định phê duyệt.

2. Trường hợp mỏ đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực và đã có quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả, khi gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản mà có thay đổi khu vực khai thác khoáng sản thì chỉ tính bổ sung chi phí phải hoàn trả đối với phần diện tích khu vực khai thác tăng thêm so với giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp mỏ khoáng sản rắn đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước khi Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành và còn thời hạn khai thác tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa có quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả, việc xác định chi phí phải hoàn trả được thực hiện như sau:

a) Phương pháp xác định, phê duyệt được thực hiện theo quy định của Thông tư này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Q_{cp} được xác định theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư này nhưng Q_A, Q_B, Q_{C1}, Q_{C2}, Q_{111}, Q_{121}, Q_{122}, Q_{211}, Q_{221}, Q_{222}, Q_{331}, Q_{332}, Q_{333} là phần trữ lượng được phép khai thác còn lại thuộc báo cáo thăm dò cuối cùng theo bản đồ hiện trạng lập tại thời điểm gần nhất trước thời điểm Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành.

4. Trường hợp mỏ khoáng sản rắn đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng sau khi Quyết định số 04/2018/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành và còn thời hạn khai thác tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa có quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả, việc xác định chi phí phải hoàn trả được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

5. Trường hợp mỏ nước nóng thiên nhiên, nước khoáng thiên nhiên đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành và còn thời hạn khai thác tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa có quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả, việc xác định chi phí phải hoàn trả được thực hiện theo quy định của Thông tư này.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, chấm dứt hiệu lực thi hành các Thông tư sau đây:

a) Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

b) Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

c) Thông tư số 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định phương pháp quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên để xác định giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

d) Thông tư số 23/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về tổ chức xác định, thẩm định và phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện Thông tư này tại địa phương.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quý Kiên

Phụ lục I

MẪU VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ XÁC ĐỊNH, PHÊ DUYỆT CHI PHÍ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN, CHI PHÍ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01	Phiếu đánh giá kết quả xác định chi phí phải hoàn trả.
Mẫu số 02	Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí phải hoàn trả.
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho Nhà nước đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Mẫu số 05	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
Mẫu số 06	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho Nhà nước đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
Mẫu số 07	Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Mẫu số 01: Phiếu đánh giá kết quả xác định chi phí phải hoàn trả

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...) **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Địa danh, ngày... tháng... năm 20...*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
Kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả

đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc ..... (*tên cấp xã*)....., ... (*tên cấp tỉnh*).....

1. Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả: .....

2. Ủy viên Hội đồng: .....

- Chức vụ: .....

- Đơn vị công tác: .....

3. Nội dung đánh giá:

- Cơ sở pháp lý: Phù hợp □ Không phù hợp □

Ý kiến cụ thể:.....

- Phương pháp tính: Phù hợp □ Không phù hợp □

Ý kiến cụ thể:.....

.....

- Kết quả tính: Đạt □ Không đạt □

Ý kiến cụ thể:.....

.....

- Kiến nghị: .....

.....

- Đánh giá chung: Thông qua □
Thông qua có sửa đổi, bổ sung □
Không thông qua □

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 02: Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí phải hoàn trả

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...) **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Địa danh, ngày... tháng... năm 20...*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả

đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc ..... (*tên cấp xã*)....., ... (*tên cấp tỉnh*).....

- Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày...../...../2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

- Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày...../...../2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Căn cứ Quyết định số..... ngày...../...../..... của..... về việc thành lập Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả.

- Hôm nay, ngày..... tháng..... năm..... tại.....

1. Thành phần tham dự phiên họp

1.1. Hội đồng thẩm định

- Thành viên có mặt:...../..... Ủy viên;

- Thành viên vắng mặt:...../..... Ủy viên.

1.2. Đơn vị xác định chi phí hoàn trả:....., **đại diện gồm:**

- Họ và tên: .....

- Chức vụ: .....

1.3. Tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản:....., **đại diện gồm:**

- Họ và tên: .....

- Chức vụ: .....

2. Nội dung phiên họp[1]:

.....

.....

.....

3. Kết luận phiên họp:

3.1. Chủ tịch Hội đồng thẩm định công bố kết luận của Hội đồng thẩm định.

3.2. Ý kiến khác của các Ủy viên Hội đồng (nếu có):.....

.....

3.3. Ý kiến của Đơn vị xác định chi phí hoàn trả (nếu có):.....

.....

3.4. Ý kiến của tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có): .....

.....

3.5. Kết quả kiểm phiếu của Ủy viên Hội đồng thẩm định:

- Thông qua:...../..... phiếu.

- Thông qua có sửa chữa:...../..... phiếu.

- Không thông qua:...../..... phiếu.

Biên bản này được lập và thông qua vào... giờ... phút... cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*

[1] Ghi theo trình tự diễn biến theo thực tế của phiên họp hội đồng

Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho nhà nước đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BNNMT	*Địa danh, ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc ..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho..... (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép).....;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc..... (tên cấp xã).....,..... (tên cấp tỉnh)..... lập ngày..... tháng..... năm.....;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại Tờ trình (Phiếu trình) số...../..... ngày..... tháng..... năm 20..... về việc trình phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc..... (tên cấp xã).....,..... (tên cấp tỉnh).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ..... (*tên mỏ khoáng sản*)..... tại khu vực..... thuộc.....*(tên cấp xã)*.....,.....*(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho..... *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)*..... với tổng số tiền là:..... đồng *(số tiền viết bằng chữ)*.

Điều 2...... *(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản*)..... có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền hoàn trả nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số..... của..... (*Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả*)..... mở tại..... (*Tên Kho bạc nhà nước nơi đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả mỏ tài khoản*)..... theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chánh Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Giám đốc..... (*Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả*).....,..... (*Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản)*..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố).....[2];
- Kho bạc nhà nước khu vực..... (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐCKS (.....).

[2] Tên tỉnh, thành phố nơi có mỏ khoáng sản được cấp giấy phép khai thác

Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BNNMT	*Địa danh, ngày... tháng... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc ..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày... tháng... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho..... (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép).....;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc..... (tên cấp xã).....,..... (tên cấp tỉnh)..... lập ngày..... tháng..... năm.....;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại Tờ trình (Phiếu trình) số...../..... ngày..... tháng..... năm 20..... về việc trình phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc.....(tên cấp xã)....., ... (tên cấp tỉnh).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ..... (*tên mỏ khoáng sản*)..... tại khu vực..... thuộc..... *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số...../GP-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho..... *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)*..... với tổng số tiền là:..... đồng *(số tiền viết bằng chữ)*.

Điều 2...... *(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản*)..... có trách nhiệm hoàn trả số tiền tại Điều 1 của Quyết định này cho..... *(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản*).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Chánh Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Giám đốc..... (*Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả*)....., ... (*Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản)*....., ... *(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản*)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố).....[3];
- Lưu: VT, ĐCKS (.....).

BỘ TRƯỞNG

[3] Tên tỉnh, thành phố nơi có mỏ khoáng sản được cấp giấy phép khai thác

Mẫu số 05: Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí phải hoàn trả cho Nhà nước đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH **(THÀNH PHỐ).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-UBND	*Địa danh, ngày... tháng... năm 20....*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc ..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày... tháng... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (Cơ quan cấp giấy phép)..... cấp cho..... (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép).....;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc..... (tên cấp xã).....,..... (tên cấp tỉnh)..... lập ngày..... tháng..... năm.....;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường..... tại Tờ trình (Phiếu trình) số...../..... ngày..... tháng..... năm 20..... về việc trình phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc..... (tên cấp xã).....,..... (tên cấp tỉnh).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của..... (*tên mỏ khoáng sản*)..... tại khu vực..... thuộc..... *(tên cấp xã).....,..... (tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép*)..... cấp cho..... *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)*..... với tổng số tiền là:..... đồng *(số tiền viết bằng chữ)*.

Điều 2...... (*Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản*)..... có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền nêu tại Điều 1 của Quyết định này vào Tài khoản số..... của..... (*Tên đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả*)..... thuộc..... mở tại Kho bạc nhà nước..... (*Tên Kho bạc nhà nước nơi đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả mở tài khoản*)..... theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân..... (*Tên tỉnh (thành phố)*).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)..... *(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả)*.....;..... (*Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản*)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Kho bạc nhà nước khu vực..... (để phối hợp);
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

Mẫu số 06: Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả giữa các tổ chức, cá nhân đối với giấy phép khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.../QĐ-UBND	*Địa danh, ngày... tháng... năm 20....*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc ..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ)...

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày... tháng... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép*)*..... cấp cho..... (Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép).....;*

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả đối với mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc..... (tên cấp xã).....,..... (tên cấp tỉnh)..... lập ngày..... tháng..... năm.....;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường..... tại Tờ trình (Phiếu trình) số...../..... ngày..... tháng..... năm 20..... về việc trình phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của mỏ..... (tên mỏ khoáng sản)..... tại khu vực..... thuộc..... (tên cấp xã)....., ... (tên cấp tỉnh).....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả xác định chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả của..... (*tên mỏ khoáng sản*)..... tại khu vực..... thuộc..... *(tên cấp xã)*....., ... *(tên cấp tỉnh)*..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép*)..... cấp cho..... *(Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép)*..... với tổng số tiền là:..... đồng *(số tiền viết bằng chữ)*.

Điều 2......*(Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản*)..... có trách nhiệm hoàn trả số tiền tại Điều 1 của Quyết định này cho..... *(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản*).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân..... (*Tên tỉnh (thành phố)*).....; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng)..... *(Đơn vị xác định chi phí phải hoàn trả)*.....;..... (*Tên tổ chức, cá nhân phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản*).....,..... *(Tên tổ chức, cá nhân đã đầu tư thăm dò khoáng sản*)..... và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, ĐCKS (12).

CHỦ TỊCH

Phụ lục II

MẪU VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ XÁC ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, QUYẾT TOÁN TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 02	Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản
Mẫu số 04	Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 05	Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 06	Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Mẫu số 01: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN **....(*Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã*)...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-UBND	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*)....., ... (*tên cấp tỉnh*).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
..... (*TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ*).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số...../GP-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (Tên cơ quan cấp giấy phép).....[4];

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số...../GXN -..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....[5];

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản[6];

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng.....).

---

[4] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

[5] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

[6] Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:.....

2. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q): .....

.....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G): .....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R): .....

3. Tổng số tiền phải nộp: .....

4. Tổng số lần nộp: .....

5. Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})[7]: .....

6. Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm.....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2...... (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Chi cục Thuế khu vực..... (để phối hợp);
- ... (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)[8];
- Cục ĐCKS (để biết);
- Lưu: HS, VT.

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

[7] Chỉ áp dụng đối với trường hợp nộp nhiều lần
[8] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

Mẫu số 02: Quyết định phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN **.... (*Tên cấp tỉnh hoặc cấp xã*)...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-UBND	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
..... (*TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ*).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số...../GP-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (Tên cơ quan cấp giấy phép).....[9];

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số...../GXN -..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (Tên cơ quan cấp giấy xác nhận).....[10];

---

[9] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

[10] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản[11]*;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trưởng phòng.....).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:.....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm điều chỉnh:

Năm 20...	Năm 20..	Năm 20...	.....	Năm 20...

3. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm điều chỉnh:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Q):.....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):.....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....

4. Tổng số tiền còn nộp: .....

5. Tổng số lần còn nộp: .....

6. Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})[12]: .....

7. Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm.....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

Điều 2...... (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

---

[11] Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

[12] Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần

Chánh Văn phòng UBND.....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)..... (Trưởng phòng.....), Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Chi cục Thuế khu vực..... (để phối hợp);
- ... (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)[13];
- Cục ĐCKS (để biết);
- Lưu: HS, VT.

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

[13] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sau khi quyết toán lần đầu theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 111 của Luật Địa chất và khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN **.... (*Tên cấp tỉnh*)...**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-UBND	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với.....
(*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,.....
(*tên cấp tỉnh*).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN
..... (*TÊN CẤP TỈNH HOẶC CẤP XÃ*).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số...../GP-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan cấp Giấy phép*).....[14]*;*

[14] Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số...../GXN -..... ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....[15]*;*

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan cấp Giấy phép*)..... *về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản*[16]*;*

Xét hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của..... (Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền)..... nộp ngày.... tháng..... năm.....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*)..... như sau:

1. Tổ chức, cá nhân nộp tiền:.....

2. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp đến thời điểm phê duyệt lại:

Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	.....	Năm 20...

3. Các thông số tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt lại:

a) Trữ lượng (khối lượng) khoáng sản tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn lại (Q_{cl}):.....

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):.....

c) Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R):.....

4. Tổng số tiền phải nộp: .....

5. Tổng số lần phải nộp: .....

6. Số tiền nộp hàng năm (T_{hn})[17]: .....

7. Thời gian nộp bắt đầu từ năm..... đến năm.....

Thời hạn nộp tiền theo quy định của pháp luật.

---

[15] Chỉ áp dụng đối với trường hợp phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

[16] Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

[17] Chỉ áp dụng trong trường hợp số lần còn nộp lớn hơn 1 lần

Điều 2...... (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)..... có trách nhiệm nộp tiền theo quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh (thành phố)....; Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (thành phố)....., Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Chi cục Thuế khu vực..... (để phối hợp);
- ... (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*)... (để thực hiện);
- UBND tỉnh (thành phố)..... (để báo cáo)[18];
- Cục ĐCKS (để biết);
- Lưu: HS, VT.

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

[18] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã

Mẫu số 04: Văn bản đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi:..... (*Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán*).....

Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:.....
Mã số thuế: .....
Trụ sở tại:.....
Điện thoại:....., Fax .....
Được phép khai thác..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép khai thác khoáng sản*)..... cấp.

Đề nghị được quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ khoáng sản nêu trên với các nội dung như sau:

I. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Kỳ quyết toán: Từ năm..... đến năm .....
2. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản) được phê duyệt:..... đồng.
3. Số tiền phải nộp trong kỳ quyết toán:..... đồng.
4. Số tiền đã nộp trong kỳ quyết toán:..... đồng.
5. Số tiền còn nợ trong kỳ quyết toán:..... đồng.
6. Sản lượng khai thác thực tế trong kỳ quyết toán (quy đổi ra khoáng sản nguyên khai):..... (tấn, m^3).
7. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán:.....đồng.
8. Chênh lệch giữa số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt:..... đồng.

II. Tài liệu kèm theo

1. Bản kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
2. Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên hàng năm trong kỳ quyết toán.
3. Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản hàng năm trong kỳ quyết toán./.

....., ngày... tháng... năm....
Tên tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 05: Bảng kê khai thông tin quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN QUYẾT TOÁN TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kỳ quyết toán: Từ năm..... đến năm.....

Kính gửi:..... (*Tên cơ quan có thẩm quyền quyết toán*).....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán:.....
2. Mã số thuế: .....
3. Trụ sở tại:.....
4. Người đại diện theo pháp luật: .....
5. Điện thoại:....., Fax .....

II. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm.....
2. Cơ quan cấp giấy phép: .....
3. Khoáng sản được phép khai thác:.....
4. Phương pháp khai thác: ..... (lộ thiên, hầm lò).
5. Diện tích khu vực khai thác:.....(m^2, ha, km^2).
6. Trữ lượng được phép khai thác: ..... (tấn, m^3).
7. Công suất khai thác: ..... (tấn/năm; m^3/năm; m^3/ngày - đêm).
8. Thời hạn giấy phép khai thác: ..... (tháng, năm).
9. Vị trí mỏ:.....

II.2. Thông tin về quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản):..... đồng; được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm....., phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm....., phê duyệt bổ sung tại Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh, phê duyệt bổ sung*).....).

2. Kết quả thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong kỳ quyết toán:

STT	Thời gian (trong kỳ quyết toán)	Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				Tiền phạt chậm nộp (nếu có)	Ghi chú
		Số nộp thừa chuyển từ kỳ trước	Số được thông báo hàng năm	Số đã nộp	Số còn nợ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Năm....						
2	Năm....						
3	Năm....						
4	Năm....						
5	Năm....						
	Tổng cộng						

3. Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trong kỳ quyết toán:

TT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng khoáng sản đã khai thác		Sản lượng quy đổi ra khoáng sản nguyên khai		Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đã khai thác	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến	Hàm lượng, tỷ lệ khoáng sản có ích trong tinh quặng, sản phẩm sau chế biến	Ghi chú
		Đơn vị tính	Sản lượng	Đơn vị tính	Khối lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Năm.....								
	Khoáng sản...								
	Khoáng sản...								
2	Năm.....								
	Khoáng sản...								
	Khoáng sản...								
...	.....								
	Tổng cộng								
	Khoáng sản...								
	Khoáng sản...								

Lưu ý:

a) Cột 7, 8, 9 chỉ áp dụng đối với khoáng sản thuộc mục 1, mục 2 phần I của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản.

b) Số liệu, thông tin về sản lượng khai thác thực tế được tổng hợp từ sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản. Số liệu được tổng hợp từ nguồn nào cần được ghi chú rõ trong cột số 10.

c) Trường hợp số liệu trong sổ sách, chứng từ, tài liệu quy định tại khoản 3 Điều 59 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản có sự chênh lệch quá 10% so với số liệu trong sổ theo dõi, thống kê quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về giải trình của mình.

4. Dự tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quyết toán:..... đồng.

5. Chênh lệch giữ số tiền quyết toán với số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt: ..... đồng.

..... (*Tên tổ chức, cá nhân đề nghị quyết toán*)..... cam kết số liệu kê khai là đúng và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về số liệu đã kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm 20...

Tên tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06: Thông báo quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CƠ QUAN THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày.... tháng.... năm 20.....*

THÔNG BÁO
Quyết toán số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc
..... (*tên cấp xã*)....., ... (*tên cấp tỉnh*).....

Kỳ quyết toán: Từ năm..... đến năm.....

Kính gửi:..... *(Tên Chi cục thuế khu vực)*.....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).... ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (thành phố).....;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản) số...../GP-..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép*).....[19];

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản số...../GXN -..... ngày..... tháng..... năm..... của..... (*Tên cơ quan cấp giấy xác nhận*).....[20];

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày..... tháng..... năm..... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản[21];

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản,..... (*Tên cơ quan quyết toán tên cấp quyền khai thác khoáng sản*)..... thông báo cho Chi cục Thuế khu vực..... nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*)....., ... (*tên cấp tỉnh*)..... như sau:

---

[19] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản

[20] Đối với trường hợp phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo giấy xác nhận thu hồi khoáng sản

[21] Chỉ áp dụng đối với trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

STT	Thời gian	Số tiền thông báo nộp hàng năm (đồng)	Số tiền quyết toán (đồng)	Chênh lệch (đồng)	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(4)-(3)*	*(6)*
1	Năm.....				
	Khoáng sản...				
	Khoáng sản...				
2	Năm.....				
	Khoáng sản...				
	Khoáng sản...				
...	.....				
	Tổng cộng				
	Khoáng sản...				
	Khoáng sản...				

Số tiền tổ chức, cá nhân phải nộp bổ sung là[22]:..... đồng..... (*Tên cơ quan quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*)..... đề nghị..... *(Tên Chi cục Thuế khu vực.....)*..... thông báo để..... (*Tên tổ chức, cá nhân quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*)..... thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là[23]: .....đồng.

..... (*Tên cơ quan quyết toán tên cấp quyền khai thác khoáng sản*)..... thông báo để..... *(Chi cục Thuế khu vực...)*..... biết và thực hiện theo quy định./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- ..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)... (để thực hiện);
- Cục Thuế (để phối hợp);
- Chi cục Thuế khu vực..... (để phối hợp);
- UBND tỉnh (thành phố) (để báo cáo);
- Bộ NNMT[24] (để báo cáo);
- Cục ĐCKS[25] (để biết);
- Lưu: HS, VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN THÔNG BÁO
(*Ký tên, đóng dấu*)

[22] Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là lớn hơn 0

[23] Chỉ áp dụng nếu số chênh lệch tại cột số 5 là nhỏ hơn 0

[24] Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

[25] Đối với trường hợp quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục III
MẪU VĂN BẢN TRONG ĐẤU GIÁ
QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01	Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 02	Bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản
Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 04	Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 05	Quyết định hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 06	Quyết định hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
Mẫu số 07	Quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
Mẫu số 08	Quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Mẫu số 01: Phiếu đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ
THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....)

..... (*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký đấu giá*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)[26] số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân[27] số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

..... (*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký đấu giá*)..... cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế cuộc đấu giá và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....) lựa chọn cho cuộc đấu giá.

3. Khi tham gia đấu giá,..... (*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký đấu giá*)..... cam kết thực hiện đúng quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

....., ngày... tháng... năm 20...
Tên tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

---

[26] Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài trong trường hợp đấu giá tại khu vực khoáng sản chưa có kết quả thăm dò khoáng sản

[27] Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 02: Bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CAM KẾT
Thực hiện các nghĩa vụ sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá: .....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại: ..... ; Fax:.....

Đại diện tổ chức, cá nhân: .....

Chức vụ:.....

CAM KẾT

..... (*Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá*)..... cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*)..... được..... (*Tên tổ chức ký văn bản thông báo*)..... thông báo mời đấu giá tại văn bản số..... ngày..... tháng..... năm..... sẽ thực hiện đúng yêu cầu tại Hồ sơ mời đấu giá, quy chế đấu giá; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với tổ chức trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này,..... (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày... tháng... năm 20...
Đại diện tổ chức, cá nhân

Mẫu số 03: Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BNNMT	*..., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản ngày..... tháng..... năm.....

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....:

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:.....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp;

hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)[28] số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân[29] số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

3. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trúng đấu giá: ..... *%*.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Chánh Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;..... *(Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....;* Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Lưu: HS, VT. ( ).

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

[28] Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài trong trường hợp đấu giá tại khu vực khoáng sản chưa có kết quả thăm dò khoáng sản

[29] Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 04: Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH (THÀNH PHỐ).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-UBND	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Biên bản phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản tổ chức ngày... tháng... năm 20...

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....:

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản:.....

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*tên cơ quan giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp*)..... cấp;

hoặc Giấy phép đầu tư số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan cấp giấy phép đầu tư*)..... cấp; hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện (chi nhánh)[30] số..... ngày..... tháng..... năm..... do..... (*Tên cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh*).....; hoặc Căn cước công dân[31] số..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

3. Tỷ lệ thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .....*%*.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,... *(các đơn vị có liên quan khác)....,... (Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)....;* Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Bộ NNMT;
- Cục ĐCKSVN;
- Lưu: HS, VT. ( ).

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

[30] Áp dụng đối với doanh nghiệp nước ngoài trong trường hợp đấu giá tại khu vực khoáng sản chưa có kết quả thăm dò khoáng sản

[31] Áp dụng đối với cá nhân

Mẫu số 05: Quyết định hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BNNMT	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

Điều 2. Lý do hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản:.....
.....
.....
.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Chánh Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Tổ chức, cá nhân liên quan;
- Lưu: HS, VT. ( ).

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 06: Quyết định hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH (THÀNH PHỐ).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ..../QĐ-UBND	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

Điều 2. Lý do hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản:.....

.....

.....

.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,...*(các đơn vị có liên quan khác)....;* Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NNMT;
- Cục ĐCKSVN;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: HS, VT. ( ).

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 07: Quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-BNNMT	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số...../...../NĐ-CP ngày... tháng... năm..... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số...../QĐ-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

Điều 2. Lý do:.....

.....

.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Pháp chế, Khoa học và Công nghệ; Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; Chánh Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thành phố).....;
- Tổ chức, cá nhân liên quan;
- Lưu: HS, VT. ( ).

BỘ TRƯỞNG
(*Ký tên, đóng dấu*)

Mẫu số 08: Quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH (THÀNH PHỐ).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ..../QĐ-UBND	*....., ngày... tháng... năm 20...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số...../2025/NĐ-CP ngày..... tháng..... năm..... của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số...../2025/TT-BNNMT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)..... phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với..... (*Tên khoáng sản*)..... tại khu vực (mỏ)..... thuộc..... (*tên cấp xã*).....,..... (*tên cấp tỉnh*).....

Điều 2. Lý do:.....

.....

.....

.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố)....., Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,...*(các đơn vị có liên quan khác)....,... (Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)....;* Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ NNMT;
- Cục ĐCKSVN;
- Tổ chức, cá nhân có liên quan;
- Lưu: HS, VT. ( ).

CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)